

Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT VÀ DẦU TỰ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-16

Trang

BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101053230 ngày 12 tháng 05 năm 2008 và giấy phép thay đổi lần 5 ngày 14 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 04 Vũ Ngọc Phan, phường Lăng Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và tài ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Văn Vũ
Ông Nguyễn Văn Thái
Ông Nguyễn Việt Hùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tài ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thái
Ông Nguyễn Thị Thủy Liên
Ông Nguyễn Thị Thu Phương

Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng
Thư ký

Bổ nhiệm ngày 14/04/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát:

Bà Lê Thủy Hằng
Ông Bùi Toàn Thắng
Bà Nguyễn Thị Chính

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tài bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính

tuần thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

01/03/2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỌC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Dầu tự

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Dầu tự được lập ngày 06 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 16 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Dầu tự tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGÂN HẠN		22.987.443.730	23.439.128.492
110	I. Tiền và tương đương tiền		2.084.389.515	1.622.402.937
111	1. Tiền	3	2.084.389.515	1.622.402.937
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.689.259.635	5.007.162.787
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	4.689.259.635	5.007.162.787
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.146.799.070	16.809.562.768
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.641.308.495	2.026.031.936
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	15.000.000.000	15.000.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	836.555.756	273.731.761
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.331.065.181)	(490.200.929)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		66.995.510	-
153	1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	66.995.510	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		960.000	-
220	I. Tài sản cố định		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình		-	-
222	- Nguyên giá		3.838.835.334	3.838.835.334
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.838.835.334)	(3.838.835.334)
260	II. Tài sản dài hạn khác		960.000	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		960.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.988.403.730	23.439.128.492

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023	VND
----	-----------	-------------	------------	------------	-----

300 B. NỢ PHẢI TRẢ

310	I. Nợ ngắn hạn		543.373.732	505.603.999
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		35.346.020	8.163.721
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	104.057.839
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	59.693.658	54.850.795
314	4. Phải trả người lao động		43.262.410	18.460.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		25.000.000	25.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		380.071.644	295.071.644
330	II. Nợ dài hạn		314.654.000	308.649.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	9	314.654.000	308.649.000

400 C. NGUỒN VỐN

410	I. Vốn chủ sở hữu	10	22.130.375.998	22.624.875.493
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
412	3. Thành dư vốn cổ phần		1.024.148.719	1.024.148.719
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		26.545.180	26.545.180
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.079.682.099	1.574.181.594
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy		289.181.594	432.315.760
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		790.500.505	1.141.865.834
	năm nay			

440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

22.988.403.730	23.439.128.492
----------------	----------------

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Văn Thái
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
Số			VND	VND

01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	12	2.669.078.184	1.920.873.598
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-

10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		2.669.078.184	1.920.873.598
----	--	--	---------------	---------------

11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	12	1.404.032.868	703.033.645
----	-----------------------------	----	---------------	-------------

20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	12	1.265.045.316	1.217.839.953
----	--------------------------------------	----	---------------	---------------

21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	1.378.666.608	1.101.107.428
----	----------------------------------	----	---------------	---------------

26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	1.679.890.078	934.607.984
----	---------------------------------	----	---------------	-------------

30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		963.821.846	1.384.339.397
----	--	--	-------------	---------------

31	9. Thu nhập khác	15	528.885.630	113.025.375
----	------------------	----	-------------	-------------

32	10. Chi phí khác	15	486.548.353	57.024.322
----	------------------	----	-------------	------------

40	11. Lợi nhuận khác	15	42.337.277	56.001.053
----	--------------------	----	------------	------------

50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.006.159.123	1.440.340.450
----	---------------------------------------	--	---------------	---------------

51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16	215.658.618	298.474.616
----	---------------------------------	----	-------------	-------------

60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		790.500.505	1.141.865.834
----	-----------------------------	--	-------------	---------------

Nguyễn Văn Thái
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT VÀ DẦU TỰ
M.S.D.N.0101053230-C.T.Đ. HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Thị Thủy Liên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND

01	1. Lợi nhuận trước thuế	1.006.159.123	1.440.340.450	
03	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
05	Các khoản dự phòng	840.864.252	(700.081.032)	
08	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(1.378.666.608)	(1.101.107.428)	
08	3. Lãi(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	468.356.767	(360.848.010)	
09	Giảm các khoản phải thu	317.727.931	485.756.344	
10	Giảm hàng tồn kho	-	106.206.270	
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	48.590.731	192.241.583	
12	Giảm chi phí trả trước	(960.000)	-	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(305.474.616)	(185.000.000)	
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	85.000.000	20.000.000	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	613.240.813	258.356.187	

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(11.232.738.458)	(659.300.534)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	11.550.641.610	1.000.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	815.842.613	1.061.138.727	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.133.745.765	1.401.838.193	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.285.000.000)	(1.020.000.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.285.000.000)	(1.020.000.000)	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	461.986.578	640.194.380	
60	Tiền và tương đương đầu năm	1.622.402.937	982.208.557	
70	Tiền và tương đương cuối năm	2.084.389.515	1.622.402.937	

3

Nguyễn Văn Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101053230 ngày 12 tháng 05 năm 2008 và giấy phép thay đổi lần 5 ngày 14 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 04 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND, tương ứng với 2.000.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 4 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 3 người).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

2.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Cụ thể, đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tố phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

► Máy móc, thiết bị

06-10 năm

2.7 Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản có định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yêu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được bổ sung hoặc trừ vào kết quả hạch toán.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân bổ kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.12 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó ; và
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

► Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chủ ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.16 Thông tin bổ phần

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sử dụng và khai thác cơ sở hạ tầng để kinh doanh dịch vụ cho thuê địa điểm tại Phường Láng Hạ, Thành phố Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	3.147.926	3.273.157
Tiền gửi ngân hàng	2.081.241.589	1.619.129.780
	2.084.389.515	1.622.402.937

4. Dầu từ nắm giữ đến ngày đảo hạn

Các khoản dầu từ nắm giữ đến ngày đảo hạn tại ngày 31/12/2023 là tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Các khoản cho vay cá nhân với mục đích đầu tư phù hợp với mục tiêu và kế hoạch của bên vay với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và phụ lục bổ sung hợp đồng.

6. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Giá trị	VND	VND
Dự phòng	VND	VND
Công ty CP Xi măng Bim Sơn	240.966.000	(240.966.000)
Lương Tiến Thành	924.634.260	945.634.260
Nguyễn Thị Giáp	308.289.741	308.289.741
Khác	167.418.494	531.141.935
	(1.187.930.252)	(347.066.000)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Giá trị	VND	VND
Dự phòng	VND	VND
Phải thu lãi dự thu	693.420.827	130.596.832
Phải thu khác	143.134.929	143.134.929
	(143.134.929)	(143.134.929)

8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Năm 2023		31/12/2023	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	27.230.307	279.425.867	308.689.218	-	56.493.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.820.488	305.474.616	215.658.618	66.995.510	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.800.000	63.269.500	61.669.500	-	3.200.000
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	1.757.562.377	1.757.562.377	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	54.850.795	2.408.732.360	2.346.579.713	66.995.510	59.693.658

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. Phải trả dài hạn khác

Tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023, Phải trả dài hạn khác là các khoản đặt cọc của khách hàng để thuê địa điểm.

10. Vốn chủ sở hữu

a) Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022					
Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	1.024.148.719	26.545.180	1.452.315.760	22.503.009.659
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	1.141.865.834	1.141.865.834
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.020.000.000)	(1.020.000.000)
Tại ngày 01/01/2023					
Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	1.024.148.719	26.545.180	1.574.181.594	22.624.875.493
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	790.500.505	790.500.505
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(1.285.000.000)	(1.285.000.000)
Tại ngày 31/12/2023					
Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	1.024.148.719	26.545.180	1.079.682.099	22.130.375.998

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 02/06/2023, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 bằng chia cổ tức 1.200.000.000 VND theo tỷ lệ 6% trên vốn điều lệ, trích thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch 2022 cho Ban quản lý, điều hành và BKS 55.000.000 VND và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 30.000.000 VND.

b) Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
VND	%	VND
Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp	3.259.000.000	16,3%
Nguyễn Văn Thái	10.377.000.000	51,9%
Cổ đông khác	6.364.000.000	31,8%
	20.000.000.000	100,0%
	100,0%	20.000.000.000

11. Cam kết hoạt động

Tài sản thuê ngoài

Hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội, tại phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Thời hạn thuê đất 50 năm kể từ ngày 28/07/2000 và tiền thuê đất được trả hàng năm theo thông báo của Cơ quan thuế.

12. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
VND		
Doanh thu	2.669.078.184	1.920.873.598
Doanh thu cho thuê địa điểm	2.669.078.184	1.920.873.598
Giá vốn	1.404.032.868	703.033.645
Giá vốn cho thuê địa điểm	1.404.032.868	703.033.645
	1.265.045.316	1.217.839.953

13. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty là lãi từ các khoản tiền gửi và các khoản tiền cho vay.

14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
VND		
Chi phí nhân viên quản lý	426.267.655	374.167.280
Thuế phí và lệ phí	356.529.509	424.739.662
Chi phí dự phòng	840.864.252	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.228.662	135.701.042
	1.679.890.078	934.607.984

Nam 2023	VND
Nam 2022	VND

42.337.277	56.001.053
------------	------------

Nam 2023	Nam 2022
VND	VND

215.658.618	298.474.616
-------------	-------------

Năm 2023	Năm 2022
VND	VND


18. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

19. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC kiểm toán.

20. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành
vào ngày 06 tháng 02 năm 2024.


Nguyễn Văn Thái
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024



Nguyễn Thị Thủy Liên
Kế toán trưởng



